

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2020

V/V: “Ly hôn với người bị tuyên bố mất tích”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Chính Nghĩa**

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Hoàng Đình Cầu**

2. Bà **Vũ Thị Thanh Thủy**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Dương Văn Huyền** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:**

Bà: **Mạc Thị Thắm** - Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 về “Ly hôn với người bị tuyên bố mất tích” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Ngọc L Sinh** năm 1988; Địa chỉ: Tổ 9, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; - Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Vũ Hữu A**, Sinh năm 1987; Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tại hồ sơ vụ án, Nguyên đơn – Chị **Đỗ Ngọc L** đều trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh **Vũ Hữu A** vào năm 2013 có đăng ký hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã **Đá**, huyện **V**, tỉnh **Quảng Ninh** trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống tại Tổ 9, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh **Quảng Ninh**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị cho rằng

do anh Hữu A không tu chí làm ăn để một mình chị phải gánh chịu kinh tế gia đình. Chị đã khuyên bảo nhiều lần song anh Hữu A không nghe, còn đánh chửi chị. Cũng vì mâu thuẫn gia đình mà tháng 1/2018, anh Hữu A chuyển hộ khẩu về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Đ, huyện Vân Đồn. Được một thời gian, anh Hữu A lại bất đồng với bố mẹ đẻ và bỏ đi đâu không rõ. Cả chị và bố mẹ Hữu A đều không biết. Thời gian đã hơn 02 năm, không có tin tức gì về anh Hữu A. Chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V tuyên bố mất tích đối với anh Hữu A và được Tòa án chấp nhận. Đến thời điểm hiện tại cũng không thấy anh Hữu A trở về nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V giải quyết cho chị ly hôn với anh Hữu A

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung: Vũ Nam P, sinh ngày 23/10/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Do anh Hữu A chưa trở về nên chị không đề cập đến việc cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và công nợ: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V có ý kiến cho rằng: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ. Giao nhận tài liệu đúng theo trình tự pháp luật quy định; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận và đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn – Chị Đỗ Ngọc L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn – Anh Vũ Hữu A bị tòa án tuyên bố mất tích, đã được triệu tập xét xử 02 lần nhưng hiện tại vẫn chưa trở về, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Đỗ Ngọc L kết hôn với anh Vũ Hữu A vào năm 2013 có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị về chung sống tại Tổ 9, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Hữu A không tu chí làm ăn để một mình vợ phải gánh chịu kinh tế gia đình. Chị L đã khuyên bảo nhiều lần song anh Hữu A không nghe còn đánh chửi chị nhiều lần. Cũng vì mâu thuẫn gia đình mà tháng 1/2018, anh Hữu A

chuyển hộ khẩu về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Đ, huyện V. Được một thời gian, anh Hữu A lại bất đồng với bố mẹ đẻ và bỏ đi đâu không rõ. Cả chị và bố mẹ Hữu A đều không biết. Thời gian đã hơn 02 năm, không có tin tức gì về anh Hữu A. Chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V tuyên bố mất tích đối với anh Hữu A và được Tòa án chấp nhận bởi “Quyết định tuyên bố một người mất tích” số 01/2020/QĐST – DS ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện V. Đến thời điểm hiện tại cũng không thấy anh Hữu A trở về nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V giải quyết cho chị ly hôn với anh Hữu A.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ tại địa bàn anh chị L – Hữu A sinh sống một thời gian thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trước khi anh Hữu A bỏ đi mất tích. Chị L và anh Vũ Hữu A không hợp nhau, mỗi người một tính cách. Trong sinh hoạt hàng ngày, họ không bao giờ tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, quan hệ vợ chồng thường xuyên xảy ra căng thẳng. Anh chị thường xuyên cãi chửi và đánh lẩn nhau. Do anh chị L – Hữu A không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng quay về đoàn tụ và liên tục trong thời gian dài không chung sống và không quan tâm đến nhau đã khẳng định tình cảm giữa hai người không còn gì.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh Hữu A đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được; Chị L yêu cầu được ly hôn với anh Hữu A đã được Tòa án tuyên bố mất tích nên Hội đồng xét xử chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Ngọc L và anh Vũ Hữu A theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung: Vũ Nam P, sinh ngày 23/10/2014. Chị Ly yêu cầu được nuôi con chung đến khi thành niên. Do anh Hữu A chưa trở về, chị không yêu cầu anh Hữu A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị L có đủ điều kiện nuôi con như: Tinh thần minh mẫn, thu nhập ổn định, không có tiền sự về các hành vi ngược đãi đối với trẻ em nên Tòa chấp nhận.

Về tài sản chung: Không có; Công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định về án phí, lệ phí;

***Tuyên Xử:***

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Đỗ Ngọc L đối với anh Vũ Hữu A. Chị L được ly hôn với anh Hữu A.

[2] Về con chung: Giao cho chị Đỗ Ngọc L có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Vũ Nam P, sinh ngày 23/10/2014 đến khi thành niên; Anh Hữu A nếu trở về không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ( Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002172 ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh QN
- VKSND huyện V
- THA dân sự huyện V
- Các đương sự
- Lưu HS, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký)**

**Trần Chính Nghĩa**

